

Bản án số: **1243/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 08-11-2022

V/v Ly hôn giữa bà L
và ông T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Minh và bà Mạnh Kim Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Cẩm Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 10, ngày 02 tháng 11 và ngày 08 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **1070/2020/TLST-HNGĐ** ngày 07 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **375/2022/QĐXXST-HNGĐ** ngày 09 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: **268/2022/QĐXXST-HNGĐ-HPT** ngày 26 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Vũ L**, sinh năm 1992 (Có mặt);

Giấy chứng minh nhân dân số: 312120189;

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân số: 082192002316;

Địa chỉ thường trú: Số A ấp B, xã C, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ chỗ ở hiện nay/liên lạc: Số D Đường Đ, phường E, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Trúc Ph**
- Luật sư Văn phòng Luật sư P, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- Bị đơn: Ông **Hồ Chí T**, sinh năm 1994 (Có mặt);

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân số: 079094002813;

Địa chỉ thường trú: Số A Xóm B, Phường C, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ nơi cư trú hiện nay (chỗ ở hiện nay)/liên lạc: Số A (số cũ: B) đường C, Phường D, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà **Huỳnh Thị Phương A** -
Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T - Chi nhánh số 1, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, bà Nguyễn Thị Vũ L (sau đây gọi tắt là bà L) có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Hồ Chí T (sau đây gọi tắt là ông T).

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà L trình bày:

Bà L và ông T tự nguyện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 25/2019 ngày 20 tháng 6 năm 2019.

Cuộc sống chung vợ chồng giữa bà và ông T có hạnh phúc được hơn 01 (Một) năm, đến đầu năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng sống không hòa thuận, không còn phù hợp nhau, quan điểm sống và cách sống khác nhau; vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và thường xuyên cự cãi với nhau trong gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hòa giải được. Cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L và ông T đã ly thân từ tháng 3 năm 2020 đến nay không còn sống chung với nhau nữa. Vào tháng 8 năm 2020, bà L đã làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T; do ông T không còn cư trú ở Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh nên bà L đã rút đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “Ly hôn” giữa bà L và ông T theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số: 361/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020. Đến ngày 21 tháng 9 năm 2020, bà L khởi kiện ra Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T vì lý do cuộc sống hôn nhân giữa bà L và ông T không có hạnh phúc, thiếu tình cảm, không sống chung, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài đã quá sức chịu đựng của bà L nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Trường hợp ly hôn:

- *Về con chung:* Bà L xác nhận và cam đoan là giữa bà và ông T có 01 (Một) người con tên là Hồ Nguyễn Ng, giới tính: Nữ, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2019.

Về việc nuôi con: Bà L có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con tên là Hồ Nguyễn Ng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Nếu được giao là người trực tiếp nuôi con thì bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con vì bà L có đủ điều kiện và khả năng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Bà L xác nhận và cam đoan là giữa bà và ông T không có tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung:* Bà L xác nhận và cam đoan là giữa bà và ông T không có khoản nợ nào chung và không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà L đã cung cấp cho Tòa án các T liệu, chứng cứ để chứng minh về điều kiện và khả năng nuôi con, gồm có: Chứng cứ chứng minh về sức khỏe (Giấy khám sức khỏe của bà L), việc làm (Hợp đồng lao động), nguồn thu nhập (Đơn xin xác nhận lương và công tác), chỗ ở (Hợp đồng thuê nhà), điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con (Đơn bảo lãnh và cam kết của mẹ bà L).

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông T trình bày:

Ông T và bà L tự nguyện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 25/2019 ngày 20 tháng 6 năm 2019.

Mâu thuẫn giữa ông và bà L là có; bà L trình bày về mâu thuẫn vợ chồng chỉ đúng một phần; ông T không đồng ý ly hôn với bà L vì ông còn yêu thương vợ; nguyện vọng

của ông T là mong muốn bà L suy nghĩ lại và mong muốn vợ chồng hàn gắn lại tình cảm, đoàn tụ trở về chung sống cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình cùng nhau nuôi con. Ông T mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Trường hợp ly hôn:

- *Về con chung:* Ông T xác nhận và cam đoan là giữa ông và bà L có 01 (Một) người con tên là Hồ Nguyễn Ng, giới tính: Nữ, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2019.

Về việc nuôi con: Ông T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con tên là Hồ Nguyễn Ng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Nếu được giao là người trực tiếp nuôi con thì ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con vì ông T có đủ điều kiện và khả năng nuôi con.

- *Về tài sản chung:* Ông T xác nhận và cam đoan là giữa ông và bà L không có tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung:* Ông T xác nhận và cam đoan là giữa ông và bà L không có khoản nợ nào chung và không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông T đã cung cấp cho Tòa án các T liệu, chứng cứ để chứng minh về điều kiện và khả năng nuôi con của ông T, gồm có: Chứng cứ chứng minh về sức khỏe (Giấy khám sức khỏe và Phiếu xét nghiệm của ông T), việc làm (Hợp đồng lao động của ông T), nguồn thu nhập (Đơn xin xác nhận mức lương của ông T), chỗ ở (Giấy chứng nhận số nhà và Giấy mua bán đất của cha mẹ ông T), điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con (Đơn bảo lãnh và cam kết của cha và mẹ ông T).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để bà L và ông T thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, bà L và ông T đồng ý thuận tình ly hôn và đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và được Tòa án ghi nhận tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: Tòa án ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành các vấn đề có tranh chấp trong vụ án do các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án; cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà L và ông T thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Bà L và ông T cùng xác nhận và cam đoan là có 01 (Một) người con tên là Hồ Nguyễn Ng, giới tính: Nữ, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2019.

Về việc nuôi con: Bà L và ông T đã tự nguyện thỏa thuận và đồng ý giao người con tên là Hồ Nguyễn Ng cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà L và ông T đã tự nguyện thỏa thuận và đồng ý về việc ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con vì ông T có đủ điều kiện và khả năng nuôi con.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà L cho đến khi ông T có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Bà L và ông T cùng xác nhận và cam đoan là không có tài sản chung, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung*: Bà L và ông T cùng xác nhận và cam đoan là không có khoản nợ nào chung và không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) do bà L tự nguyện chịu.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, bà L có Đơn xin thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của Tòa án nhân dân Quận 8 lập ngày 12 tháng 5 năm 2022, cụ thể như sau:

Bà L xin thay đổi ý kiến về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con, cụ thể như sau:

Về việc nuôi con: Bà L không đồng ý giao người con tên là Hồ Nguyễn Ng cho ông Hồ Chí T trực tiếp nuôi dưỡng mà bà L có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con tên là Hồ Nguyễn Ng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Nếu được giao là người trực tiếp nuôi con thì bà L không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con vì bà L có đủ điều kiện và khả năng nuôi con.

Lý do mà bà L xin thay đổi ý kiến là vì những nội dung thể hiện trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của bà và ông T được Tòa án nhân dân Quận 8 lập ngày 12 tháng 5 năm 2022 về phần nuôi con và cấp dưỡng nuôi con đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L trong việc nuôi con.

Các nội dung khác trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của bà L và ông T được Tòa án nhân dân Quận 8 lập ngày 12 tháng 5 năm 2022 thì bà L xin giữ nguyên.

Nội dung thay đổi ý kiến nêu trên của bà L đã được Tòa án thông báo cho ông T biết.

Tại phiên tòa:

Bà L cung cấp bản Sao kê chi tiết giao dịch tài khoản ngân hàng của bà L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn (Luật sư Nguyễn Trúc Phương) cung cấp bản Thông tin người nộp thuế là Công ty Cổ phần phát triển đầu tư phân bón Toàn Cầu, có Mã số thuế: 0316913133 được đăng trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế - Bộ Tài chính.

Ông T cung cấp 44 (Bốn mươi bốn) tấm ảnh của người con Hồ Nguyễn Ng.

Bà L và ông T cùng tự nguyện đồng ý thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L và ông T được ly hôn.

Bà L và ông T cùng xác nhận và cam đoan là không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung và không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Về con chung: Bà L và ông T cùng xác nhận và cam đoan là có 01 (Một) người con tên là Hồ Nguyễn Ng, giới tính: Nữ, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2019. Bà L và ông T đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con tên là Hồ Nguyễn Ng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); nếu được giao là người trực tiếp nuôi con thì bà L và ông T đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Bà L và ông T cùng xác nhận trẻ Ng hiện nay đang do ông T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc; trẻ Ng đã ở và sinh sống cùng với ông T từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn (Luật sư Nguyễn Trúc Ph) đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính hợp pháp của Hợp đồng lao động được ký kết giữa ông T với Công ty Cổ phần phát triển đầu tư phân bón Toàn Cầu có mâu thuẫn về thời gian ký kết hợp đồng lao động (ngày 22/7/2019) so với thời gian bắt đầu hoạt động và ngày cấp Giấy phép kinh doanh của Công ty Cổ phần phát triển đầu tư phân bón Toàn Cầu (21/6/2021) để xác định tính trung thực của ông T trong việc cung cấp T liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ sự mâu thuẫn về thời gian ký kết hợp đồng lao động giữa ông T với Công ty Cổ phần phát triển đầu tư phân bón Toàn Cầu so với thời gian bắt đầu hoạt động và ngày cấp Giấy phép kinh doanh của Công ty Cổ phần phát triển đầu tư phân bón Toàn Cầu như Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã nêu tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử đã tạm ngừng phiên tòa để xác minh làm rõ theo đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn (Luật sư Nguyễn Trúc Ph) và Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa.

Ngày 19 tháng 10 năm 2022, thay mặt Hội đồng xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã có văn bản xác minh yêu cầu Công ty Cổ phần phát triển đầu tư phân bón Toàn Cầu cung cấp cho Tòa án chứng cứ (thông tin) về việc làm, thu nhập của ông Hồ Chí T và những vấn đề có liên quan đến vụ án.

Ngày 04 tháng 11 năm 2022, Công ty Cổ phần phát triển đầu tư phân bón Toàn Cầu đã có văn bản trả lời xác minh theo yêu cầu của Tòa án, có nội dung: Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư phân bón Toàn Cầu xác nhận ông T là người lao động và hiện nay đang làm việc cho Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư phân bón Toàn Cầu là đúng sự thật; ngày mà Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư phân bón Toàn Cầu ký Hợp đồng lao động với ông T là ngày 22 tháng 7 năm 2021. Do sơ suất trong khâu đánh máy, soát xét văn bản của bộ phận Văn thư nên Hợp đồng lao động không xác định thời hạn (Số 0309/HDLĐ) ngày 22 tháng 7 năm 2019 được ký kết giữa Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư phân bón Toàn Cầu với ông Hồ Chí T bị nhầm lẫn về thời gian ký kết hợp đồng (sai sót, nhầm lẫn về năm ký Hợp đồng lao động).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn (Luật sư Nguyễn Trúc Ph) trình bày ý kiến, quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T đã tự nguyện đồng ý thuận tình ly hôn, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn

nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L và giải quyết cho bà L được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà L và ông T có 01 (Một) người con tên là Hồ Nguyễn Ng, giới tính: Nữ, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2019 chưa thành niên (chưa đủ 18 tuổi); bà L có yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con vì bà L có đủ điều kiện và khả năng nuôi con. Bà L đã cung cấp được T liệu, chứng cứ chứng minh về việc bà L có đủ điều kiện nuôi con tốt {bà L có sức khỏe tốt, có việc làm và thu nhập ổn định, có chỗ ở hợp pháp và ổn định, có sự giúp đỡ của người thân (mẹ) trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng con}; mặt khác trẻ Ng là trẻ gái nên mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sẽ phù hợp và thuận lợi hơn. Vì sự phát triển toàn diện của trẻ Ng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của bà L và giao người con tên là Hồ Nguyễn Ng cho bà L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà L về việc bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông T cho đến khi bà L có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông T cùng xác nhận là không có tài sản chung, không có nợ chung, nên không có ý kiến về vấn đề này.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn (Luật sư Huỳnh Thị Phương A) trình bày ý kiến, quan điểm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn, nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Ông T và bà L đã tự nguyện đồng ý thuận tình ly hôn, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giải quyết chấp nhận cho ông T và bà L được ly hôn.

Về con chung: Ông T và bà L có 01 (Một) người con tên là Hồ Nguyễn Ng, giới tính: Nữ, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2019 chưa thành niên (chưa đủ 18 tuổi); ông T có yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con vì ông T có đủ điều kiện và khả năng nuôi con. Ông T đã cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc ông T có đủ điều kiện nuôi con tốt {ông T có sức khỏe tốt, có việc làm và thu nhập ổn định, có chỗ ở hợp pháp và ổn định, có sự giúp đỡ của người thân (cha và mẹ) trong việc chăm sóc và nuôi dưỡng con}; mặt khác trẻ Ng hiện nay đang do ông T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, ông T đã nuôi dưỡng và chăm sóc trẻ Ng từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay; trẻ Ng ở với ông T được chăm sóc và nuôi dưỡng tốt, có sức khỏe tốt, được đi học và có đủ điều kiện để phát triển về mọi mặt. Nếu giao trẻ Ng cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng sẽ làm thay đổi môi trường sống, học tập ... của trẻ, làm ảnh hưởng rất lớn đến tâm sinh lý và sự phát triển bình thường của trẻ. Để không làm xáo trộn môi trường sống, học tập và sự phát triển bình thường về mọi mặt của trẻ Ng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi con của ông T và giao người con tên là Hồ Nguyễn Ng cho ông T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà L cho đến khi ông T có yêu cầu.

Về T sản chung và nợ chung: Ông T và bà L cùng xác nhận là không có tài sản chung, không có nợ chung, nên không có ý kiến về vấn đề này.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Tòa án nhân dân Quận 8 thụ lý giải quyết vụ án sơ thẩm đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp ly hôn” đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác định tư cách người tham gia tố tụng của đương sự đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đảm bảo đúng quy định tại các Điều 93, 94, 95, 96 và 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Trình tự thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án đảm bảo đúng quy định tại các Điều 195, 196, 197 và 198 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thủ tục hòa giải đảm bảo đúng quy định tại các Điều 205, 206, 207, 208, 209 và 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định tại các Điều 170, 171, 177 và khoản 2 Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về thời hạn Tòa án chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng quy định tại Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Về thời hạn xét xử: Thẩm phán đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Kiến nghị khắc phục vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự luật định (đã thực hiện đúng quy định tại các điều từ Điều 239, 240, 241, 243, 247, 248, 249, 250, 251, 254, 258, 259, 260, 261 và 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015).

- Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi Tòa án thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự, thấy rằng:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận phù hợp với quy định tại các Điều 8 và 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Trong quá trình chung sống, vợ chồng bà L và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà L và ông T đã ly thân từ tháng 3 năm 2020 cho đến nay. Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Tại phiên tòa, ông T đồng ý ly hôn với bà L. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của đương sự.

- Về con chung: Vợ chồng bà L và ông T có 01 người con tên là Hồ Nguyễn Ng, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2019. Bà L yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tại Biên bản hòa giải và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và

hòa giải thành ngày 12 tháng 5 năm 2022, bà L đã đồng ý giao người con tên là Hồ Nguyễn Ng cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng; sau đó bà L lại thay đổi ý kiến yêu cầu được trực tiếp nuôi con; điều này thể hiện ý chí của bà L không kiên quyết trong việc muốn nuôi con. Công việc thực tế của bà L không tạo điều kiện tốt nhất để chăm sóc trẻ Ng. Xét điều kiện kinh tế, thu nhập của ông T có sự ổn định; mặt khác, trẻ Ng đã ở với ông T và gia đình ông bà nội của trẻ từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay và được chăm sóc tốt. Để tránh sự xáo trộn, tạo sự ổn định và chăm sóc tốt cho trẻ Ng, xét thấy việc để ông T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Ng là phù hợp.

- Về T sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí: Nguyên đơn là bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 8, 9, 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tuyên chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn: Công nhận sự thuận tình ly hôn của bà L và ông T; giao trẻ Ng cho ông T chăm sóc và nuôi dưỡng, bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; án phí sơ thẩm do nguyên đơn là bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử đã công bố toàn bộ T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ tranh chấp*: Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án dân sự về Hôn nhân và Gia đình tranh chấp “Ly hôn”.

- *Về thẩm quyền giải quyết*: Bị đơn là ông T cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân*:

Bà L và ông T tự nguyện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau và có đăng ký kết hôn đúng quy định nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Tại Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành của Tòa án nhân dân Quận 8 lập ngày 12 tháng 5 năm 2022 thể hiện bà L và ông T đã tự nguyện đồng ý thuận tình ly hôn.

Tại phiên tòa, bà L và ông T đã tự nguyện đồng ý thuận tình ly hôn và có yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết cho bà L và ông T được ly hôn; yêu cầu này của bà L và ông T là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận giải quyết cho bà L và ông T được ly hôn.

- *Về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung*: Bà L và ông T cùng xác nhận và cam đoan là không có T sản chung, không có khoản nợ nào chung và không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về con chung*: Bà L và ông T có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con, cả hai đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con tên là Hồ Nguyễn Ng, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2019 cho đến thi thành niên (đủ 18 tuổi).

Xét yêu cầu của bà L và ông T đều mong muốn được nuôi con, cả hai đều có tình yêu thương con như nhau, đều mong muốn được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con; tuy nhiên việc giao con cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần xét đến quyền lợi về mọi mặt của con và hoàn cảnh thực tế của mỗi bên sau khi ly hôn để quyết định nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của trẻ. Bà L và ông T đều có việc làm, có thu nhập ổn định, có nơi ở ổn định, có sức khỏe đủ điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con. Việc giao trẻ Hồ Nguyễn Ng cho ai trực tiếp nuôi dưỡng đều phải vì lợi ích của trẻ; hiện nay trẻ Ng đang ở và sinh sống cùng với ông T và do ông T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; ông T đã nuôi trẻ Ng từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay; trẻ Ng đang do ông T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, được chăm sóc phát triển bình thường, được đi học và có điều kiện phát triển tốt. Để không làm xáo trộn cuộc sống, học tập và sự phát triển bình thường của trẻ Ng, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Ng cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông T về việc ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà L cho đến khi ông T có yêu cầu.

[3] Về lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử đồng ý với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc giải quyết cho bà L và ông T được ly hôn.

Hội đồng xét xử không đồng ý với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc giao trẻ Ng cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Hội đồng xét xử đồng ý với quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn về việc giải quyết cho bà L và ông T được ly hôn và giao trẻ Ng cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

[5] Về quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm của Kiểm sát viên đã trình bày tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án và chấp nhận giải quyết cho các đương sự được ly hôn.

[6] Về án phí: Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; khoản 4 Điều 147; các Điều 227, 232, 233, 235, 254, 264, 266, 267, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Vũ L.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Vũ L và ông Hồ Chí T.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 25/2019 ngày 20 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân xã C, thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang cấp không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung*: Giao người con tên là Hồ Nguyễn Ng, giới tính: Nữ, sinh ngày 22 tháng 5 năm 2019 cho ông Hồ Chí T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hồ Chí T về việc ông Hồ Chí T không yêu cầu bà Nguyễn Thị Vũ L cấp dưỡng nuôi con.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà Nguyễn Thị Vũ L cho đến khi ông Hồ Chí T có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung và thực hiện nghĩa vụ dân sự chung*: Bà L và ông T cùng xác nhận và cam đoan là không có tài sản chung, không có khoản nợ nào chung và không phải thực hiện nghĩa vụ dân sự với ai, không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị Vũ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước; được trừ vào số tiền mà bà Nguyễn Thị Vũ L đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/ 0044659 ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Vũ L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo và việc thi hành bản án:

Án xử công khai, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Vũ L và bị đơn là ông Hồ Chí T đều có mặt

Các đương sự là bà Nguyễn Thị Vũ L và ông Hồ Chí T có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 8;
- Tòa án nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8;
- Lưu Văn phòng và Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Tường